

**INTERTEXTUALITY IN *KAFKA SPIRIT*
AND *RE-READING DOSTOIEVSKY*
OF TRUONG DANG DUNG**

Nguyen Thi Hanh
Faculty of Social Sciences, Hong Duc University,
Thanh Hoa province, Vietnam
Coresponding author Nguyen Thi Hanh,
e-mail: nguyenthihanh@hdu.edu.vn

Received March 24, 2024.

Revised April 28, 2024.

Accepted May 14, 2024.

Abstract. Although intertextual theory in recent years is no longer novel, it is an approach to explain and experience the depth of literary works. Truong Dang Dung's poetry increasingly evokes many reception directions for theorists, literary critics, and poetry-loving readers. The article explores the unique value of Truong Dang Dung's *Kafka Spirit* and *Rereading Dostoevsky* from an intertextual theory, not only helping readers understand the issues raised in the field of linking texts but also identifying the vast knowledge of the author, as well as the new contributions of Truong Dang Dung's poems.

Keywords: Truong Dang Dung, intertextuality, dialogue, Kafka, Dostoevsky.

**LIÊN VĂN BẢN TRONG BÀI THƠ
TINH THẦN KAFKA VÀ ĐỌC LẠI
DOSTOIEVSKY CỦA TRƯƠNG ĐĂNG DUNG**

Nguyễn Thị Hạnh
Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng
Đức, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hạnh,
e-mail: nguyenthihanh@hdu.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/3/2024.

Ngày sửa bài: 28/4/2024.

Ngày nhận đăng: 14/5/2024.

Tóm tắt. Lí thuyết liên văn bản những năm gần đây dần không còn là vấn đề mới mẻ nhưng thực sự là con đường, cách thức để lí giải, cảm nghiệm chiều sâu tác phẩm văn học. Thơ Trương Đăng Dung ngày càng khơi gợi nhiều hướng tiếp nhận cho các nhà lí luận, nghiên cứu phê bình văn học cũng như các độc giả yêu thơ. Bài viết khai thác giá trị đặc sắc hai bài thơ *Tinh thần Kafka* và *Đọc lại Dostoevsky* của Trương Đăng Dung từ lí thuyết liên văn bản, không chỉ giúp người đọc thông hiểu những vấn đề được đặt ra trong trường liên kết các văn bản mà còn nhận diện được vốn tri thức thâm sâu của người sáng tác, cũng như những đóng góp mới của thơ Trương Đăng Dung.

Từ khóa: Trương Đăng Dung, liên văn bản, đối thoại, Kafka, Dostoevsky.

1. Mở đầu

Trương Đăng Dung không chỉ là nhà lí luận phê bình văn học mà còn là nhà thơ đã được nhận giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2011. Riêng ở lĩnh vực thơ ca, ông có hai tập thơ được xuất bản, tập *Những kỉ niệm tưởng tượng* (Nxb Thế giới, Hà Nội, 2011) và tập *Em là nơi anh tị nạn* (Nxb Văn học, Hà Nội, 2020), trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà phê bình, nhà nghiên cứu và bạn đọc yêu thơ. Có một điểm chung là bạn đọc luôn ấn tượng những khắc khoải nhân sinh đầy ám ảnh trong thơ ông. “Trương Đăng Dung làm thơ để thoát khỏi những ám ảnh của thời gian, nhằm khẳng định sự tồn tại người, nhưng nghe có vẻ nghịch lý, anh lại kiến tạo nên một thế giới thơ đầy ám ảnh. Và đây là một thành công của Trương Đăng Dung” [1; 65]. Trong chuỗi nhân sinh hiện tồn ấy, theo tinh thần “phê bình văn học không tìm kiếm cái ý nghĩa cốt lõi có sau văn bản, mà đọc và kết nối sự liên tưởng với nó, mở rộng và bổ sung nó” [2; 55], hai bài thơ *Tinh thần Kafka* và *Đọc lại Dostoevsky* (trong tập thơ *Em là nơi anh tị nạn*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2020) tiếp tục khai mở cho bạn đọc nhiều cảm nghiệm mới mẻ, thú vị, đặc biệt là từ góc nhìn liên văn bản.

Dẫu ra mắt bạn đọc chưa nhiều, với hai tập đã xuất bản, *Những kỉ niệm tưởng tượng* và *Em là nơi anh tị nạn*, nhưng thơ Trương Đăng Dung không còn xa lạ với độc giả và các nhà nghiên cứu phê bình văn học. Cho đến nay, những nghiên cứu, cảm nhận, đánh giá về thơ Trương Đăng Dung có thể chia thành ba nhóm, bao gồm nhóm nghiên cứu phê bình thơ ông nói chung, nhóm nghiên cứu phê bình tập *Những kỉ niệm tưởng tượng* và nhóm nghiên cứu phê bình tập *Em là nơi anh tị nạn*. Đặc biệt, chuyên luận Quán văn (tháng 10 – 2020, số 90) đã tập hợp nhiều công trình, bài viết tiêu biểu về thơ Trương Đăng Dung. Hầu hết trong số đó là những bài viết giới thiệu, cảm nhận về tập *Những kỉ niệm tưởng tượng*, tiêu biểu như “Trương Đăng Dung... như một thi sĩ” (Đỗ Lai Thúy), “Thời gian và phận người trong thơ Trương Đăng Dung” (Nguyễn Đăng Điệp), “Nỗi sợ hãi trước chân trời” (Khuất Bình Nguyên), “Trương Đăng Dung, thơ như là “thỏa thuận” ý nghĩa” (Inrasara), “Thơ và những ý nghĩa thỏa thuận” (Lê Hồ Quang), “Tái ám ảnh về một bài thơ ám ảnh” (Đỗ Quyên), “Thơ Trương Đăng Dung trong cảm nhận của tôi” (Giảng Vân), “Thế giới trở nên xa lạ” (Hoài Nam), “Thơ ca như một diễn ngôn – Đọc tập thơ *Những kỉ niệm tưởng tượng* của Trương Đăng Dung” (Phan Tuấn Anh), “Thơ Trương Đăng Dung - lời tự bạch của “Đứa trẻ biết già” (Nguyễn Thị Quỳnh Trang). Ngoài ra, một số tạp chí và báo điện tử có các bài viết: “Cái tôi tự vấn trong thơ Trương Đăng Dung” (Nguyễn Thị Thu Thủy), “Thời gian và sự tồn tại nhân bản trong thơ Trương Đăng Dung” (Trần Thị Ngọc Lan), “Cảm thức thời gian và suy nghiệm phận người trong thơ Trương Đăng Dung” (Nguyễn Thị Liên Tâm)... Nhóm thứ hai tiêu biểu có tiêu luận của Văn Giá nghiên cứu chuyên sâu hơn cả với tiêu đề “Thơ Trương Đăng Dung nhìn từ lao động viết”, hay “Trương Đăng Dung, thơ và những nẻo đường tương ngộ” (Hoàng Kim Oanh), “Đứa trẻ biết già” (Phạm Xuân Nguyên) và “Thơ Trương Đăng Dung - những kí tự của chúa” (Mai Thị Hạnh Lê)].... Nhóm thứ ba không nhiều là một số bài viết về tập *Em là nơi anh tị nạn*, tiêu biểu là bài viết “Trương Đăng Dung và cảm hứng triết luận trong sáng tạo thi ca” (Trần Hoài Anh), “Trương Đăng Dung – em, anh và tị nạn” (Trần Tuấn), “*Em là nơi anh tị nạn* – Tinh thể của tồn tại người trong thơ Trương Đăng Dung” (Nguyễn Thanh Tâm) [1], ...

Các bài viết trên, dẫu có nhiều hướng khai thác, đánh giá, cảm nhận khác nhau hoặc gần nhau, song chưa có công trình nào đi sâu khai thác cụ thể thơ Trương Đăng Dung dưới góc nhìn liên văn bản. Và càng hiếm hoi hơn cho việc tìm kiếm những trao đổi, cảm nhận đầy đủ về hai bài thơ *Tinh thần Kafka* và *Đọc lại Dostoevsky* trong tập thơ *Em là nơi anh tị nạn*. Đây đó trong các bài viết, có tác giả nhắc tới vấn đề “dụ ngôn”, “tính triết luận”, “tư tưởng triết học” trong thơ ông nhưng chưa được khai thác cụ thể qua một bài thơ trọn vẹn. Vì thế, bài viết lựa chọn hai bài thơ cụ thể của Trương Đăng Dung để không chỉ làm rõ những thông điệp nhân văn của thơ ông mà còn góp phần giải mã lối văn chương “kén” độc giả từ lối sáng tạo liên văn bản vốn không còn xa lạ hiện nay. Từ đó, giá trị của thơ Trương Đăng Dung sẽ được làm phong phú thêm từ một “kênh” tri nhận, một hướng tiếp cận khác.

2. Nội dung nghiên cứu

Khái niệm *liên văn bản* (*Intertextuality*) được triết gia, nhà phân tâm học, phê bình văn học, tiểu thuyết gia nổi tiếng, Julia Kristeva đề xuất vào cuối những năm 1960 để mô tả hiện tượng trao đổi và xây dựng mối quan hệ liên tục giữa các văn bản. Liên văn bản là “một thuật ngữ gắn liền với chủ nghĩa hậu hiện đại, bác bỏ ý tưởng coi văn bản là một thực thể độc lập, tự trị được tạo ra bởi một tác giả duy nhất. Thay vào đó, bất kỳ văn bản nào cũng là một tập hợp các văn bản trước đó”. Bởi liên văn bản được coi là “một tập hợp các mối quan hệ với các văn bản khác. Hệ thống ngôn ngữ, ngữ pháp, từ vựng của nó kéo theo vô số mảnh ghép-dấu vết-của lịch sử sao cho văn bản giống với một lối thoát văn hóa của Đội quân cứu tế” (Vincent Leitch) [3; 218 – 219]. Theo Kristeva, một văn bản khi được quy chiếu lên hai trục (trục ngang bao gồm các mối liên kết giữa tác giả và người đọc; trục đứng bao gồm các mối liên kết giữa văn bản này với những văn bản khác) đều phải lệ thuộc vào những “giải trình ngôn ngữ” (tức là những quy ước đã có sẵn từ trước đó). Mỗi giải trình đều chịu sự chi phối của một hệ giải trình của nhiều văn bản khác. Mục đích

của liên văn bản là đề cao vai trò của người đọc trong tác phẩm. Việc đọc trở thành “việc giải mã, tạo nghĩa cho văn bản”, “dùng lí tính để khai thác các yếu tố chìm khuất trong văn bản do liên văn bản đặt ra” [4; 44].

Tập thơ *Em là nơi anh tị nạn* của Trương Đăng Dung gồm 24 bài nhưng gần một nửa trong số đó là những bài được viết theo hướng liên văn bản. Độc giả nếu không có vốn kiến thức sâu, rộng vượt ra ngoài nội tại văn bản thơ của ông sẽ khó tiếp nhận được những vỉa tầng ý nghĩa chiều sâu văn hóa, đời sống xã hội, chính trị, văn chương... hàm ẩn. Một loạt các bài thơ cùng trường khai thác liên văn bản được đặt cạnh nhau: *Sách của Giônna*, *Sách của Gióp*, *Sách của Aylan Kurdi*, *Tinh thần Kafka*, *Đọc lại Dostoevsky*, *Tự do của Nikos Kazantzakis*, *Tô Thùy Yên*, *Bên mộ một nhà thơ*, *Những nẻo đường Budapest*... Những biên độ nghĩa được nói mở khi bạn đọc cùng tham gia “tạo nghĩa”, “giải mã” chúng.

2.1. Tính đối thoại trong thơ tạo nên mối liên kết giữa tác giả và bạn đọc

Khái niệm đối thoại và tính đối thoại (dialogue) không chỉ thuần túy được sử dụng dành riêng cho ngôn ngữ mà còn được dùng để khai thác khả năng kết nối, liên hệ, tương tác giữa văn bản – tác giả - bạn đọc trong văn học. Bakhtin đã từng khẳng định, “tính đối thoại” là xu thế tất yếu của văn chương hiện đại. Sau này, trong cuốn *Từ điển các thuật ngữ văn học và chủ đề*, Edward Quinn cho rằng, “ngoài vai trò là một đặc điểm của tiểu thuyết và kịch, thể hiện qua lời nói của các nhân vật, đối thoại còn là một hình thức của văn học, mà trong đó hai hoặc nhiều người tham gia vào một cuộc thảo luận,... đối thoại ngày càng có tầm quan trọng trong các lý thuyết văn học nhấn mạnh đến sự tương tác giữa người đọc và văn bản” [3; 118]. Gần đây nhất, ở Việt Nam, công trình nghiên cứu *Kí hiệu và liên kí hiệu* của Lê Huy Bắc góp phần làm sáng rõ thêm biểu hiện và vai trò của tính đối thoại trong tác phẩm văn học: “Với tính đối thoại này, mỗi tác phẩm được viết ra không chỉ mang tính đối thoại với tác giả, tác phẩm trước mà còn với cả với tác giả, tác phẩm sau đó. Vấn đề không chỉ là sự phúc đáp, phỏng nhại, giễu cợt hay mở rộng lối viết của tác phẩm trước mà còn thường xuyên cho thấy dấu vết của các tác phẩm trước đối với tác phẩm đang được thực hiện... Từ vấn đề giọng điệu này, Bakhtin thực chất đã đề xuất ra *tính liên chủ thể* trong sáng tạo văn học mà nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra. Về sau, Kristeva lấy đó làm nền tảng đề xuất *tính liên văn bản*” [5; 290]. Theo đó, tác giả Lê Huy Bắc đã chỉ ra, tính đối thoại là một nét đặc thù của *liên kí hiệu*. Và “liên kí hiệu có phần trùng nhất định với liên văn bản” [5; 139], do vậy, có thể thấy rằng, tính đối thoại cũng là một đặc tính của liên văn bản. Nghiên cứu về thơ Trương Đăng Dung, chúng tôi nhận thấy, tính đối thoại trong các sáng tác của nhà thơ không hoàn toàn chỉ là sự trao đáp hoặc có tính trao đáp giữa nhân vật trữ tình với chủ thể trữ tình, hoặc giữa các nhân vật trữ tình trong thơ, hoặc giữa chủ thể trữ tình với đối tượng trữ tình mà còn có thể tạo ra sự tương tác, mối liên kết giữa tác giả và bạn đọc. Mối liên kết này, trong lý thuyết liên văn bản, Kristeva gọi là liên kết theo trục ngang (horizontal axis). Với hai bài thơ trên, liên kết theo trục ngang được biểu hiện ở hai dạng thức khác nhau, hoặc thông qua đối thoại giữa các nhân vật trữ tình trong bài thơ (*Tinh thần Kafka*), hoặc thông qua đối thoại giữa chủ thể sáng tạo với chủ thể đồng thời là đối tượng sáng tạo khác (*Đọc lại Dostoevsky*).

Nếu tập thơ đầu tiên của Trương Đăng Dung, Kafka được nhắc trong bài *Giấc mơ của Kafka* thì bạn đọc hẳn không cảm thấy ngạc nhiên khi thấy *Tinh thần Kafka* hiện diện trong tập thơ thứ hai. Bởi lẽ, Kafka chính là nhà văn yêu thích và có nhiều ảnh hưởng đến nhà thơ. Thực sự đọc và hiểu Kafka, ta dễ dàng nhận ra tính liên văn bản đã được góp mặt trong *Giấc mơ của Kafka*. Kiểu con người biến dạng và cái phi lí luôn trở đi trở lại trong các sáng tác của Kafka. Giấc mơ của Kafka (voi nhảy từ tầng mười một xuống sông cứu những con chim sẻ; người nằm ngáp, trâu xếp hàng mua cỏ; những thiếu phụ da vàng chơi với hổ; nữ phát thanh viên truyền hình không có miệng, hươu tay chào khán giả; những đôi mắt, dính trên cổ những người không có mặt; những tiếng kêu phát ra từ miệng người không có cổ...) [6; 71-72] giờ đây đang phủ khắp trong thực tế, ở mọi nơi. Giấc mơ đã đi vào đời sống.

Có người nói rằng, Trương Đăng Dung qua bài *Giấc mơ của Kafka* giúp người đọc hiểu rõ hơn về Kafka ít nhiều có lí. Tiếp nối ám ảnh về Kafka nhưng *Tinh thần Kafka* đã có nhiều khác biệt. Ấn tượng đầu tiên khi đọc *Tinh thần Kafka* là hình thức bài thơ được thể hiện qua những dấu gạch đầu dòng ở đầu tất cả các dòng thơ, vốn là hình thức đối thoại thường thấy trong văn xuôi tự sự:

“- Con quyết định đến ngôi chùa gần nhất

- Biết nó ở đâu?

- Nhìn ngọn đa con thấy rất gần.

- Cây đa không còn mãi

...

- Con vẫn đi.

- Đích đến không quan trọng bằng quá trình đến.” [7; 45-46]

Từ hình thức đối thoại, bài thơ khơi gợi cho độc giả nhiều cách hiểu khác nhau. Nếu xem 14 dòng thơ là những lời đối thoại bao gồm 7 cặp lượt lời trao đáp giữa nhân vật trữ tình xưng “con” và đối tượng ân danh, có thể là Cha - một người cha cụ thể, hữu hình hoặc một đấng siêu nhiên trừu tượng nào đó, ta có thể hình dung sẽ có cuộc đối thoại/trao đáp như sau:

Con: - Con quyết định đến ngôi chùa gần nhất

Cha: - Biết nó ở đâu?

Con: - Nhìn ngọn cây đa con thấy nó rất gần.

Cha: - Cây đa không còn mãi.

Con: - Con còn kí ức.

Cha: - Kí ức cũng tàn phai...

Con: - Con còn niềm tin.

Cha: - Cái phi lí đã hóa thành hợp lí.

Con: Con còn lí trí.

Cha: - Lí trí tự gài bẫy chính mình.

Con: - Con còn ý chí.

Cha: - Ý chí không biết tự vận hành.

Con: - Con vẫn đi.

Cha: - Đích đến không quan trọng bằng quá trình đến.

Xâu chuỗi 7 cặp thoại ở trên, người đọc nhận thấy, nhân vật người con luôn ở vị thế khẳng định với ngôn ngữ, phong thái tự tin, can đảm, vững vàng, còn người cha luôn phủ định lại lời người con (6/7 lời thoại là lời đáp của Cha). Nhưng đến lời thoại cuối cùng, lời người cha lại là lời khẳng định: “Đích đến không quan trọng bằng quá trình đến”. Người đọc chợt nhận ra, 6 lời đáp của người cha ở trên như là sự thử thách ý chí, bản lĩnh, lòng kiên trì của người con trên hành trình tìm đến ngôi chùa gần nhất hay chính là mục đích, lí tưởng, Đức tin của anh ta trong cuộc đời. Và lời đáp thứ 7, lời thoại cuối của người cha đột nhiên trở thành lời động viên, khích lệ tinh thần cho người con sau hàng loạt phép thử. Cũng nhận thấy tính đối thoại trong bài thơ này, tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Trang lại cho rằng, “trong *Tinh thần Kafka*, ông đối thoại với thần tượng của mình... Cảm xúc của chủ thể trữ tình được bộc lộ qua cuộc đối thoại mang tính tranh luận. Người này nói, người kia phủ nhận. Những lời thoại giàu chất suy tưởng triết lý mà thực chất là sự phân tách của chủ thể trữ tình để tự soi chiếu thể hiện những chiêm nghiệm của nhân vật trữ tình về chính mình... Trong cuộc đối thoại ấy, vẫn vang lên tiếng nói *Tôi không còn kí ức*” [1; 204].

Và nếu xem 14 dòng thơ là lời đối thoại một chiều của nhân vật người con, bài thơ lại có một chủ đề khác. Khi ấy, bài thơ như là nỗi niềm trần trở với những giả thuyết được đưa ra để người con vừa tự trấn an mình, vừa tự giả định các tình huống có thể xảy ra trên hành trình kiếm tìm mục đích. Lời tự sự trong 4 dòng thơ đầu bộc bạch nỗi niềm trần trở, hoài vọng, khắc khoải của nhân vật trữ tình xưng “con”:

- “- Con quyết định đến ngôi chùa gần nhất
- Biết nó ở đâu?
- Nhìn ngọn cây đa con thấy nó rất gần.
- Cây đa không còn mãi.”

Sau đó, thực tế phũ phàng đã được nhân vật trữ tình giả định:

- Con còn kí ức (rồi) kí ức cũng nhạt phai
- Con còn niềm tin (rồi) cái phi lí đã hóa thành hợp lí
- Con còn lí trí (rồi) lí trí tự gài bẫy chính mình
- Con còn ý chí (rồi) ý chí không biết tự vận hành

Đường như, mọi nỗ lực, cố gắng của người con hoàn toàn trở nên vô nghĩa. Song rốt cục, người con cũng nhận ra: dẫu không biết ngôi chùa gần nhất ở đâu, dẫu “cây đa không còn mãi”, dẫu “kí ức có tàn phai”, dẫu “lí trí có tự gài bẫy”, dẫu “ý chí không biết tự vận hành” thì “Con vẫn đi” – con vẫn quyết tâm thực hiện lẽ sống và kiếm tìm Đức tin của đời mình bởi “đích đến không quan trọng bằng quá trình đến”. Đúng, con đường, cách thức, hành trình mà anh ta thực hiện nó, kiếm tìm nó mới là cốt tử. Có lẽ, nhà thơ đang đề xuất quan niệm: con người hãy dùng cảm dân thân và trải nghiệm, chỉ cần có Đức tin. Quan niệm này đủ sức mạnh để thôi thúc con người ta lên đường và có khả năng giúp độc giả biết cách lựa chọn hành động cho riêng mình.

Nếu hình thức đối thoại giữa các nhân vật trữ tình trong bài thơ trên đem lại tính gợi mở trong đối thoại giữa thi nhân và độc giả thì với bài thơ *Đọc lại Dostoevsky*, vẫn lối thơ tự do ngắn gọn, kiệm lời trong từng câu chữ nhưng hình thức đối thoại lại ở một dạng thức khác:

- “Ông tìm lại bản diện của mình
- qua cái Ác
- qua cái Thiện
- qua khổ đau kiếp người” [7; 47]

Bài thơ mở đầu bằng sự nhấn nhá chậm rãi. Đại từ nhân xưng được sử dụng ở ngôi thứ ba số ít (“ông”) như là lời trò chuyện giữa nhà thơ với bạn đọc về đối tượng sáng tạo là Dostoevsky, khơi mở tính đối thoại, tâm tình và đồng thời, và cũng như cuộc trao đáp về tư tưởng chủ đạo xuyên suốt sáng tác của nhà văn. Tác giả đang trần trở về tư tưởng cốt lõi mà Dostoevsky đặt ra trong hệ thống tác phẩm của mình. Đó là hành trình kiếm tìm “bản diện” con người. “Bản diện”, theo từ điển Hán Nôm, chỉ “tâm tính vốn có” của con người. Mỗi nhà văn có quan niệm của riêng mình. Vậy “tâm tính vốn có” của con người, theo Dostoevsky, được thể hiện qua những đặc tính nào? Khi khái quát, “bản diện” được nhận ra qua cái Ác, cái Thiện, cái khổ đau nghĩa là nhà thơ đang đặt vấn đề trao đổi những suy nghĩ của cá nhân mình hướng tới độc giả. Độc giả, có thể đáp ứng được tầm đón đợi hay không hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng hiểu biết của mình về sáng tác của Dostoevsky để cắt nghĩa, thông hiểu. Bởi trên câu từ văn bản, Trương Đăng Dung không hề *trung* ra bất kì sự lí giải nào. Bạn đọc chỉ có thể hiểu khi đã *đọc*, đã *thấm* vấn đề tội lỗi, cái xấu, cái ác, hành vi sát nhân, nỗi khôn cùng, bé tấc của kiếp người vốn luôn trở đi trở lại trong các sáng tác của nhà văn Dostoevsky: *Những kẻ tử nhục, Tội ác và hình phạt, Kẻ song trùng, Lữ người quý ám, Thăng ngậy, Chàng thiếu niên, Anh em nhà Karamazov...*). Trong mỗi tác phẩm, mỗi nhân vật luôn có sự đối chọi, mâu thuẫn nội tâm trước và sau khi phạm tội, đồng thời, mỗi

nhân vật ác quỷ, vô thần còn được đặt trong trạng thái đối lập với những nhân vật có Đức tin, kiểu mẫu Đức Kito (Sonya trong *Tội ác và hình phạt*, Kirillov trong *Lũ người quỷ ám*, Alyosha trong *Anh em nhà Karamazov*)... Vì thế, vấn đề “cái Ác”, “cái Thiện”, cái “khổ đau” được đặt ra trong phần đầu bài thơ *Đọc lại Dostoievsky* sẽ trở nên dễ hiểu hơn. Nhà thơ cũng như bao bạn đọc yêu văn chương Dostoievsky thấu hiểu được nỗi trăn trở của nhà văn về những hiện tồn của con người mang tầm phổ quát, không chỉ diễn ra trong thế kỉ XIX ở nước Nga, mà dường như, còn là vấn đề muôn thuở của mọi thời. Theo nhà thơ Trương Đăng Dung, Dostoievsky tìm lại được tâm tính vốn có không chỉ là “của mình” mà còn là của con người nói chung được trải nghiệm qua rất nhiều phương diện: cái Ác, cái Thiện và hơn cả, được đo bằng “khổ đau kiếp người”. Hành trình kiếm tìm “bản diện” được đo, đong, đếm bằng cả “kiếp người” đủ để thấu cảm những gì nhân vật của Dostoievsky đã trăn trở kiếm tìm thiện lương sau rất nhiều những vấp ngã, sai lầm. Có lẽ, hành trình kiếm tìm này không phải chỉ dành riêng cho nhân vật của Dostoievsky, không chỉ của nhà văn mà đại từ nhân xưng “ông” còn hướng tới chính nhà thơ, và cả độc giả chúng ta. Bàn về bài thơ này, nhà nghiên cứu Trần Hoài Anh cho rằng: “Thi nhân đã suy ngẫm về Dostoievsky bằng sự sẻ chia của những tâm hồn đồng điệu, tri âm, khi nhà thơ nhận ra trong bản thể Dostoievsky là sự kết tinh những trăn trở, cật vấn của Dostoievsky về nỗi khổ đau kiếp người... Phải chăng, những “Tội ác” và “trùng phạt” mà Dostoievsky đặt ra trong tác phẩm của mình là thông điệp về những khổ đau định mệnh của phận người mà nhà văn gửi lại cho đời” [1; 130].

Đối thoại giữa tác giả với bạn đọc không chỉ được nhận diện qua cách sử dụng đại từ nhân xưng hướng về đối tượng vắng mặt đang được bàn tới mà còn được thể hiện qua lời khẳng định hành trình tìm “bản diện” (bốn dòng thơ đầu) và lời tự chất vấn, giải thích, bổ sung thêm cho ý tưởng của mình (bảy dòng thơ sau):

“Không chỉ có cái Ác
 Không chỉ có cái Thiện
 Không chỉ có khổ đau
 Có Đức Kitô
 trong mỗi con người,
 có Tự do trong từng hành động,
 dẫn đến cái Thiện
 dẫn đến cái Ác
 dẫn đến khổ đau.” [7; 47 - 48]

Nhà thơ cắt nghĩa cho độc giả thấu hiểu hơn rằng, “không chỉ” có cái Ác, cái Thiện, khổ đau mà còn có đức tin và khát vọng tự do trong mỗi con người. Thậm chí, tất cả những điều đó cũng có thể trở thành căn nguyên tạo ra cái Ác, cái Thiện, cái khổ đau, góp phần làm nên “bản diện” con người. Nếu theo quan niệm phương Đông, “nhân chi sơ tính bản thiện”, con người sinh ra vốn có bản tính tốt lành, thiện lương thì theo quan niệm của nhà văn Nga, “bản diện” con người được nhận diện qua cái Ác, cái thiện, khổ đau. Cả hai đoạn thơ trên vừa như lời đối thoại tâm tình, gần gũi giữa thi nhân với độc giả, vừa như là lời tự bạch, sẻ chia cảm nhận của mình về quan niệm nhân sinh của Dostoievsky qua các sáng tác. Phép lặp cụm từ “Không chỉ có” (3 lần), “dẫn đến” (3 lần) như nhấn mạnh thêm sự đồng điệu, thấu hiểu sâu sắc của thi nhân với tiền bối. Thi nhân giúp cho độc giả nhận ra, nhân vật của Dostoievsky với sự hòa trộn của nhiều đặc tính làm nên “bản diện” con người. Tuy nhiên, việc quy chiếu văn bản trên trực ngang (mối liên kết giữa tác giả và bạn đọc), có lẽ, chưa đủ để độc giả nhận ra được những diễn ngôn thâm sâu mà văn bản đem lại. Những vỉa tầng ý nghĩa sâu sắc vẫn chưa thể đủ lực để chạm tới. Do vậy, văn bản thơ này buộc phải kết hợp với hệ quy chiếu trực đứng, phần nào “những giải trình ngôn ngữ” khác mới có thể được khai thác.

Hướng văn bản đến đối tượng tiếp nhận, tính đối thoại trong hai văn bản thơ *Tinh thần Kafka* và *Đọc lại Dostoevsky* trở thành mạch nguồn kết nối thi nhân với bạn đọc. Những trao gửi, thông điệp, giá trị nhân sinh được đề xuất, khơi gợi trong mỗi bài thơ của Trương Đăng Dung dần vượt thoát ra khỏi phạm vi nội tại của một văn bản thơ. Chúng không những có khả năng kết nối đa chiều mỗi quan hệ văn bản – tác giả - bạn đọc mà có thể kết nối từ văn bản thơ đến văn bản thơ bằng quan niệm nhân sinh được đề xuất. Rằng, hoài nghi, băn khoăn, hoang mang luôn tồn tại như một tất yếu, song chỉ cần biết lựa chọn (dấn thân, trải nghiệm) và đức tin (niềm tin, tín ngưỡng...), con người sẽ vững bước trên hành trình dài phía trước. Bởi “đích đến không quan trọng bằng quá trình đến” (*Tinh thần Kafka*) và nhờ đó mà ta sẽ phân định được “Con đường phân đôi/qua vực sâu/và lửa” (*Đọc lại Dostoevsky*).

2.2. Trương Đăng Dung và tiền bối

Các bậc tiền bối xuất hiện khá nhiều trong tập thơ *Em là nơi anh tị nạn* của Trương Đăng Dung. Họ là Giôna, Gióp, Aylan Kurdi, Kafka, Dostoevsky, Nikos Kazantzakis, Tô Thùy Yên, Hollo Andras... hiện diện trong các bài *Sách của Giôna, Sách của Gióp, Sách của Aylan Kurdi, Tinh thần Kafka, Đọc lại Dostoevsky, Tự do của Nikos Kazantzakis, Tô Thùy Yên, Bên mộ một nhà thơ*. Những tiền bối này vừa là những chủ thể sáng tạo, vừa trở thành đối tượng phản ánh của thi nhân. Bởi chính ông đã chia sẻ lí do, “khi tôi làm thơ về các nhà văn lớn như F. Kafka, Dostoevsky, Nikos Kazantzakis, Tô Thùy Yên..., tôi muốn lấy chính các chủ thể sáng tạo làm đối tượng phản ánh nghệ thuật để cho đối tượng của phản ánh nghệ thuật không chỉ bó hẹp ở thế giới bên ngoài, mà còn có ở thế giới bên trong của người sáng tạo, tạo nên những dụ ngôn về tồn tại người trong tương quan với thời gian, nỗi cô đơn và cái chết” [8]. Họ chính là mạch nguồn kết nối những văn bản sau này với các văn bản trước đó theo trục đứng (vertical axis), như cách gọi của Kristeva, người khai sinh ra khái niệm liên văn bản. Quy chiếu một văn bản trên cả trục liên kết này, các vỉa tầng của tác phẩm sẽ được thông tỏ hơn.

Đọc hai bài thơ *Tinh thần Kafka* và *Đọc lại Dostoevsky* cũng như những bài có chủ thể - đối tượng sáng tạo là các tiền bối, buộc người đọc phải tìm hiểu về các tác giả hoặc có vốn kiến thức về họ. Từ đó, độc giả mới có thể cắt nghĩa, lí giải và thông hiểu phần nào ý tưởng thơ được gửi gắm. Nhan đề hai bài thơ gợi cho bạn đọc sự liên tưởng đến tác giả F. Kafka (1883 – 1924), nhà văn người Tiệp, gốc Do Thái, sáng tác bằng tiếng Đức rất nổi tiếng không chỉ ở thế kỉ XX và Fedor Dostoevsky (1821 – 1881), nhà văn Nga vĩ đại thế kỉ XIX.

Bài thơ *Tinh thần Kafka* mở đầu bằng hình thức kể chuyện: “Con quyết định đến ngôi chùa gần nhất”, gợi trong tâm thức bạn đọc câu chuyện chàng trai trẻ muốn đến làng gần nhất trong truyện cực ngắn *Làng gần nhất* của F. Kafka (“Ông tôi thường nói: - Cuộc đời ngắn ngủi đến kì lạ. Đối với ông, ngoái nhìn lại, cuộc đời dường như bị thu ngắn đến nỗi ông chẳng thể hiểu, chẳng hạn như, việc một chàng trai trẻ quyết định cưới ngựa đến làng bên cạnh mà không hề lo sợ - cho dù không có sự cố nào xảy ra, thì ngay cả tuổi thọ trung bình của một cuộc đời hạnh phúc bình thường hẳn không đủ thời gian cho chuyến đi ấy” [9; 274]). Bài thơ có một số điểm gần gũi với văn phong Kafka, kiệm lời và đa nghĩa. Thoạt đầu nghe quen mà lạ. Lạ ở chỗ, nếu Kafka sử dụng biểu tượng “làng gần nhất” như là mục đích, lẽ sống, lí tưởng bé nhỏ của con người trong cuộc đời thì Trương Đăng Dung lại sử dụng biểu tượng “ngôi chùa” với những hình ảnh “ngọn đũa”, “cây đũa” biểu tượng cho Đức tin, cho tôn giáo Phật giáo quen thuộc của người Việt. Lạ còn ở chỗ, nếu Kafka quan tâm đến kết quả của hành động: Cuối cùng, “chàng trai trẻ” ấy chẳng thể nào đến được ngôi làng gần nhất kia, dẫu có tuổi trẻ, có sức khỏe, có phương tiện thực hiện, kèm theo điều kiện trên đường đi không gặp bất cứ trở ngại nào, dường như để nhấn mạnh cái bi đát của kiếp người. Còn “người con” trong thơ Trương Đăng Dung, cuối cùng ngộ ra chân lí: “Đích đến không quan trọng bằng quá trình đến” lại mang tinh thần lạc quan, dám trải nghiệm, dám dấn thân, bất luận kết quả ra sao.

Rõ ràng, bài thơ có màu sắc, giọng điệu quen thuộc của văn chương Kafka nhưng tinh thần đã khác – tinh thần rất Trương Đăng Dung: con người có thể có những thời khắc cô độc, hoang hoải kiếm tìm chân lí, đổ vỡ niềm tin, song nhất định con người vẫn giữ được độ xác tín, dũng khí đối mặt với khó khăn để vượt qua. Cái hoang mang, phi lí, xa lạ, đổ vỡ, mất niềm tin qua những câu thơ của Trương Đăng Dung gọi người đọc nhớ tới tâm thức nhân vật trong các câu chuyện kể của F. Kafka (*Trước cửa pháp luật*, *Ngụ ngôn nhỏ*, *Vụ án*, *Lâu đài*...). Đúng là, cho đến dòng thơ thứ 12 trong mạch đối thoại một chiều của nhân vật trữ tình, người đọc vẫn nhận thấy, màu sắc, không khí, giọng điệu F. Kafka ảnh hưởng trong thơ ông rõ quá, đậm quá. Nhưng khép lại bài thơ có hình thức lạ lạ này là hai dòng thơ cuối:

“- Con vẫn đi.

- Đích đến không quan trọng bằng quá trình đến.”

Nhưng thơ Trương Đăng Dung đến đây đã vượt thoát khỏi những ám ảnh về những câu chuyện kể của Kafka. Nhân vật trữ tình trong thơ ông dường như đã thay lời cho tác giả lí giải, thể hiện quan điểm của mình về hành động kì lạ đến phi lí của nhân vật chàng trai trẻ trong truyện ngắn *Làng gần nhất* của Kafka. Nhân vật trữ tình, người con quyết tâm thực hiện lẽ sống và kiếm tìm Đức tin của đời mình. Anh ta nhận ra chân lí, cách thức, con đường thực hiện mục tiêu (“quá trình đến”) quan trọng hơn là mục tiêu (“đích đến”). Chân lí này, quan niệm sống của người con trong bài thơ của Trương Đăng Dung, rõ ràng có sự khác biệt với chàng trai trẻ của Kafka trong *Làng gần nhất*.

Nếu *Làng gần nhất* của Kafka suốt hơn một thế kỉ qua vẫn khiến cho độc giả trên toàn thế giới còn băn khoăn với bao câu hỏi bỏ ngỏ, bao cách hiểu trái chiều thì bài thơ của Trương Đăng Dung thêm một đề xuất nữa cho cách hiểu về tác phẩm Kafka. Do vậy, theo tôi, bài thơ *Tinh thần Kafka* của nhà thơ Trương Đăng Dung đúng ra là “Màu sắc Kafka” hoặc “Không khí Kafka”, “Âm hưởng Kafka” nhưng tinh thần rất Trương Đăng Dung – tinh thần lạc quan, chủ trương dần thân, trải nghiệm thay vì chỉ âu lo, bi quan, sợ hãi, bởi tuyên ngôn của tác phẩm được tuyên bố rất rõ ràng: “Đích đến không quan trọng bằng quá trình đến”. Tinh thần nhân văn ở ý thơ này thực sự đáng suy ngẫm và tiếp thu.

Và không ngẫu nhiên, khi bài thơ *Đọc lại Dostoievsky* được Trương Đăng Dung sắp xếp thứ tự ngay sau bài *Tinh thần Kafka*, cùng hệ thống các bài *Sách của Aylan Kurdi*, *Tự do của Nikos Kazantzakis*, *Tô Thùy Yên*, *Bên mộ một nhà thơ* trong cấu trúc tổng thể tập thơ. Fedor Dostoievsky, bậc tiền bối xuất hiện như một chủ thể - đối tượng sáng tạo của bài thơ chính là một trong “những người khổng lồ” của văn học thế giới. Bóng dáng, tư tưởng và ảnh hưởng của Dostoievsky tới các nhà văn khác trên thế giới rất sâu sắc, trong đó có Việt Nam (qua một số sáng tác của Nhật Linh, Nam Cao, Vũ Bằng, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Việt Hà, Tạ Duy Anh...). Trong sự nghiệp sáng tác, năm tác phẩm được gọi là “ngũ kinh” của ông được xếp vào hàng những tác phẩm kinh điển trên thế giới. Âm ảnh sâu đậm khi đọc các sáng tác này là nỗi kinh hoàng, rùng rợn, ghê sợ về những hành vi tội ác của các nhân vật với những vụ án hình sự giết người hãi hùng nhất. Đó là cách thức Raskolnikov giết chết chị em nhà mù già cầm đồ Aliona (*Tội ác và hình phạt*), là hành vi giết cha của đứa con hoang Xmerdiakov, hành động dọa giết cha của Dmitri và ăn cắp tiền của cha cho nhân tình (*Anh em nhà Karamazov*), là hành vi hiếp dâm cô gái vị thành niên khiến cô tự tử của Nikolay Vsevolodovic Stavrogin (*Lũ người quỷ ám*)...

Nếu đoạn thơ đầu như là lời giải bày cảm nhận của chủ thể trữ tình về quan niệm nhân sinh trong sáng tác Dostoievsky thì đoạn thơ tiếp sau giải thích mang tính cụ thể hơn cho định đề đặt ra trước đó. Nhà thơ tổng kết, khái quát những vấn đề đặt ra trong sáng tác của Dostoievsky bằng 3 mệnh đề “không chỉ có” (cái Ác, cái Thiện, cái khổ đau) - “mà còn có” ((Đức Kitô, hành động tự do dẫn đến cái Ác, cái khổ đau trong mỗi con người). Nhân vật của Dostoievsky thường được chia thành ba kiểu người: kiểu nhân vật Ác (thú tính, quỷ ám, kì dị, điên rồ như Dmitri, Fiodor Pavlovitx Karamazov, Smerdyakov trong *Anh em nhà Karamazov*; Nikolay Stavrogin trong *Lũ người quỷ ám*; ...), kiểu nhân vật Thiện (chất phác, ngây thơ, tử tế, trong sáng, có đức tin như

Myshkin trong *Thằng ngây*; Alyosha trong *Anh em nhà Karamazov*; Sonya trong *Tội ác và hình phạt...*) và kiểu nhân vật nằm giữa ranh giới hai ngưỡng Thiện Ác (Raskolnikov trong *Tội ác và hình phạt*, Ivan trong *Anh em nhà Karamazov*, Alexei Kirillov trong *Lũ người quỷ ám...*). Kiểu nhân vật thứ ba có kẻ vô thần, có kẻ tin vào Đức Kitô, có kẻ hành động hoặc bản năng (tự do) hoặc tự cho mình cái quyền được tự do trong hành động như Raskolnikov, như Ivan... rớt cục đều rơi vào cái bẫy của cuộc sống khốn cùng, của cái Ác, của khổ đau. Dostoevsky luôn trăn trở về tôn giáo, về đức tin, về “kiểu mẫu Đức Kitô”. Ông có niềm tin rằng, tín ngưỡng, tôn giáo (đặc biệt là Kitô giáo), đức tin sẽ soi đường, dẫn lối cho con người đi đến ánh sáng của thiên lương, của tình yêu và lẽ sống. Giống như anh chàng sinh viên Raskolnikov trong *Tội ác và hình phạt*, vốn có thiện lương, chí hướng (có trí tuệ, biết chia sẻ nỗi khổ đau của người khác, đã từng cứu em nhỏ trong đám cháy, đã từng nhường cơm sẻ áo cho bạn sinh viên nghèo trọng bệnh, đã từng cứu mạng cha của anh bạn kia trong cảnh túng quẫn nhưng vì tư tưởng vượt ngưỡng, tự cho mình cái quyền được phép “giết người theo lương tâm” dẫn đến sa ngã, phạm tội giết người. Raskolnikov vốn không có Đức tin, anh không thể lí giải vì sao Sonia bé nhỏ, trong sáng phải ra đường làm gái điếm nuôi mẹ kế và mấy đứa em lại có thể yêu thương người khác vô điều kiện. Cả hành trình dài phạm tội, bị kết tội và bị trừng phạt là quá trình anh ta tự nhận thức, được nhận thức và tìm đến Đức tin (anh chủ động hỏi mượn Sonya cuốn Phúc âm ở nơi đây ải). Theo Trần Hoài Anh, “trong suy niệm của Trương Đăng Dung, tất cả những gì con người gặp phải trong cuộc đời đều xuất phát từ sự lựa chọn của chính mình và đây là sự lựa chọn từ ý thức của một nhân vị hiện sinh mà các triết gia hiện sinh luôn hướng đến, để được sống là chính mình chứ không phải là cái bóng của tha nhân... Bởi không ai có thể lựa chọn thay cho mình cũng như không ai sống thay cho bản thân mình. Và sự lựa chọn đó, từ điểm nhìn của triết học hiện sinh cũng là phẩm tính của Tự Do” [1; 130 - 131]. Còn Nguyễn Thanh Tâm cho rằng, “trong tinh thể ấy, thơ Trương Đăng Dung là một lời đề xuất, hãy bước vào thế giới ấy như hành động tuần nạn, bởi bóng đêm, cơn ác mộng và trập trùng những lo âu. Kẻ lưu đày có thể đến được với bình minh, ánh sáng hay không, chưa biết, nhưng từ trong đám mây tăm tối, hi vọng mỗi người có thể nhận ra, gìn giữ hoặc đánh thức ngọn lửa rực cháy trong tim mình” [1; 163]. Quan niệm này khá gần gũi, đồng điệu với cảm nhận trong bài viết này. Tinh thần nhân văn vẫn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt được đề xuất trong mỗi bài thơ. Quả thật, nhân vật của Dostoevsky có những lựa chọn cho riêng mình, dẫn đến nhân vật Thiện, Ác, khổ đau như chúng tôi đã phân chia thành ba kiểu loại như trên. Và theo quan điểm cá nhân, chúng tôi nhận thấy có mối liên hệ giữa quan niệm và sự thể hiện quan niệm về con người lựa chọn Tự do của Dostoevsky với quan niệm về con người của nhà thơ. Giải mã hay cắt nghĩa cho mỗi cách thức hành động của con người nói chung bằng trường liên kết với nhân vật của nhà văn. Hay nói cách khác, để hiểu được quan niệm của nhà thơ phải đặt bài thơ trong những tín hiệu với văn bản gốc, là những nhân vật cụ thể trong hệ thống các sáng tác của Dostoevsky. Giải mã được tín hiệu trong văn bản gốc sẽ khơi nguồn và khai sáng những tín hiệu nghĩa mới của bài thơ một cách có căn cứ.

Từ tinh thần ấy, Trương Đăng Dung không những chỉ khái quát vấn đề được đặt ra trong các sáng tác của Dostoevsky mà còn rất nhân văn khi nhận diện và cắt nghĩa hành động dẫn đến Thiện, Ác hay khổ đau của con người. Nhà thơ tin rằng, chỉ cần có đức tin, có tín ngưỡng, có ánh sáng soi đường của tôn giáo (Đức Kitô) để thực hiện khát vọng Tự do, con người sẽ tìm ra chân lí sống tích cực của đời mình. Bởi:

“Con đường phân đôi
qua vực sâu
và lửa.” [7; 48]

Ý thơ cuối cùng khép lại bài thơ nhưng mở ra cho bạn đọc tự cảm nghiệm. Ba dòng thơ cuối như là sự tiếp nối mạch thơ trước đó, và để tránh lặp, nhà thơ không muốn nhắc lại mà thôi:

“Có Đức Ki tô /trong mỗi con người /Con đường phân đôi/qua vực sâu
/và lửa”

Do đó, có phần khác với quan điểm của nhà nghiên cứu Trần Hoài Anh, chúng tôi khi cắt nghĩa bài thơ từ góc nhìn liên văn bản lại thấy rằng, quan điểm đồng điệu của nhà văn Nga và nhà thơ Việt Nam là cái nhìn nhân văn. Đức tin sẽ giúp con người bước qua làn ranh bóng tối (“vực sâu”, cái Ác” để vươn tới ánh sáng (“lửa” và “cái Thiện”). Ở góc nhìn này, một lần nữa, độc giả lại thấy tư tưởng nhất quán trong thơ Trương Đăng Dung: trong mỗi con người, ai cũng có Đức tin của riêng mình, có thể là Phật giáo, có thể là Thiên chúa giáo, có thể là ngôi đền thiêng trong tâm thức mỗi người. Vốn ảnh hưởng nhiều từ người mẹ mộ đạo, *Kinh thánh* là cuốn sách đầu tiên và cũng là cuốn ám ảnh cả cuộc đời nhà văn Fedor Dostoievsky. Và tư tưởng ấy được nhà thơ tiếp thu từ tinh thần, cảm quan của tác giả Dostoievsky. Ranh giới giữa Thiện và Ác, Thiên thần và Ác quỷ, Tốt và Xấu, giữa “vực sâu” và “lửa” đôi khi rất mong manh, giống như anh chàng Raskolnikov kia. Hoàn cảnh sống khốn cùng trong thời buổi khốn cùng của bầu không khí Pêtecbua ngột ngạt, của căn buồng như “chiếc quan tài” chỉ 6 bước chân cùng tư tưởng “vượt ngưỡng” của kẻ không có Đức tin, vô thần đã đẩy anh ta đến tội ác. Anh ta được chữa lành ở nơi đây ả, anh có được đức tin từ tình yêu “không phán xét” của Sonia, của niềm tin tôn giáo (mượn quyền Phúc âm của Sonya để đọc). Điều đó cho phép người đọc lạc quan hơn với con đường đi phía trước của cặp đôi này. Đồng thời, cảm quan này cũng có chức năng khơi gợi tính liên văn bản trong cách hiểu tư tưởng chủ đạo của bài thơ.

Để dàng nhận ra rằng, một mạch nguồn xuyên suốt trong thơ Trương Đăng Dung và tiểu thuyết của Dostoievsky là hành trình trần trụi đi tìm lẽ sống, tìm đường trên làn ranh Thiện – Ác. Đức tin (tôn giáo hoặc những điều tốt đẹp trong cuộc đời) và tin ngưỡng sẽ giúp con người phân định được ranh giới mong manh giữa “vực sâu” và “lửa”, để họ tìm đến lẽ sống và niềm vui có ý nghĩa của cuộc đời. Và như thế, *Đọc lại Dostoievsky* của Trương Đăng Dung là con đường độc giả tìm đến được bến bờ Thiện.

Như vậy, hai bài thơ *Tinh thần Kafka* và *Đọc lại Dostoievsky* trong nhóm những sáng tác thơ “lấy các chủ thể sáng tạo làm đối tượng phản ánh nghệ thuật” có khá nhiều điểm tương đồng, nhất quán. Cách đặt vấn đề gợi mở trao quyền tối ưu cho bạn đọc, thông điệp nhân văn được đề xuất mang những cảm thức về sự tồn tại của con người trên hành trình chủ trương dẫn thân, trải nghiệm và khát khao kiếm tìm để vươn tới bến bờ Thiện, chỉ cần có đức tin... đều được nhận diện khi cảm nghiệm thơ ông. Và khai thác giá trị văn bản trong quan hệ liên văn bản giúp độc giả có được những cảm nhận, lí giải có căn cứ hơn, biên độ nghĩa được nói mở sâu rộng hơn.

3. Kết luận

Thơ Trương Đăng Dung xuất bản không nhiều, song đa phần đòi hỏi “tầm đón đợi” cao hơn khi tiếp nhận. Bằng góc nhìn liên văn bản, độc giả không chỉ cảm nghiệm và giải mã được thơ ông theo nhiều cách khác nhau mà còn hiểu hơn về cái uyên bác, thâm sâu và sang trọng của một nhà thơ, nhà lí luận phê bình văn học có vốn văn hóa, vốn hiểu biết liên ngành đa dạng, phong phú. Đằng sau lớp vỏ hình thức và ngôn từ có vẻ không cầu kì nhưng không dễ tri nhận, mỗi bài thơ thực sự là những trần trụi, chiêm nghiệm của một nhà sáng tạo nghệ thuật nghiêm túc, tâm huyết và cẩn trọng. Kết nối cả hai trục liên kết (trục ngang và trục đứng) theo lí thuyết phê bình hậu hiện đại mà Julia Kristeva khởi xướng, những “giải trình ngôn ngữ” mà chúng tôi đề xuất cũng chỉ là một kênh *đọc* và khám phá thơ Trương Đăng Dung. Theo đó, thơ ông, đâu có hướng khai thác và đặt vấn đề “kén” độc giả nhưng nhất quán trong các sáng tác là cảm quan nhân văn trí tuệ mà nhẹ nhàng, thâm trầm mà dễ lan tỏa đến mọi người. *Tinh thần Kafka* và *Đọc lại Dostoievsky* mở rộng hơn trường ngữ nghĩa cho văn bản thơ, trao cơ hội đồng sáng tạo cho bạn đọc nhiều hơn và trên hết, độc giả cảm nhận được những thông điệp về niềm tin, về sự dẫn thân và trải nghiệm theo chiều tích cực, vốn là những điều rất cần ở bất kì lứa tuổi nào, trong bối cảnh hiện nay. Và tự bao giờ, việc đọc thơ Trương Đăng Dung trở thành niềm háo hức, say mê cho những ai muốn tìm đến vùng sáng tạo mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nhiều tác giả (2020). *Quán Văn* (Số 90). NXB Hội nhà văn.
- [2] TĐ Dung (2021). *Văn bản văn học và sự bất ổn của nghĩa*. NXB Văn học.
- [3] Edward Q, (2006). *A Dictionary of Literary and Thematic Terms*, Second Edition. Printed in the United States of America, 218 – 219.
- [4] LH Bắc, (2012). *Văn học hậu hiện đại, lí thuyết và tiếp nhận*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 44.
- [5] LH Bắc (2019). *Kí hiệu và liên kí hiệu*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- [6] TĐ Dung (2011). *Những kỉ niệm tưởng tượng*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [7] TĐ Dung (2020). *Em là nơi anh tị nạn*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [8] *Báo Thể thao và văn hóa* (Ngày 26/08/2020). Nhà thơ Trương Đăng Dung: 'Xin đừng hỏi thơ có thể làm được gì, <https://thethaovanhoa.vn/nha-tho-truong-dang-dung-xin-dung-hoi-tho-co-the-lam-duoc-gi-20200826064649268.htm>
- [9] LH Bắc (2018). *Franz Kafka – Người tẩy não nhân loại*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.